

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 14/2024/HNGĐ-GĐT

Ngày: 06/6/2024

Về vụ án: “Chia tài sản chung sau
ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Ủy ban Thẩm phán xét xử giám đốc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Võ Văn Cường

Các Thẩm phán: ông Trần Văn Châu
bà Trần Thị Thu Thủy

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: bà Lê Thị Mai Phương, Thẩm tra viên.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên tòa:*** bà Nguyễn Thị Ngát, Kiểm sát viên.

Ngày 06/6/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án hôn nhân gia đình về “Chia tài sản chung sau ly hôn” giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Trần Ngọc D, sinh năm 1983; địa chỉ: Ấp 6, xã TB, huyện TB, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: anh Chung Văn Đ, sinh năm 1978; địa chỉ: Ấp 6, xã TB, huyện TB, tỉnh Cà Mau.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1952; địa chỉ: Ấp 2, xã HTK, huyện TB, tỉnh Cà Mau.

3.2. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện TB, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn- chị Trần Ngọc D trình bày:

Chị và anh Đ ly hôn theo Bản án số 67/2020/HNGĐ-ST ngày 10/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh Cà Mau. Theo đó, Tòa án đã giải quyết về con chung, nợ chung, còn phần tài sản chung các bên tự thỏa thuận. Do vợ chồng không thỏa thuận được nên chị D yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản sau ly hôn.

Tại đơn khởi kiện, biên bản hòa giải chị D nêu nhiều tài sản và yêu cầu Tòa án xem xét. Quá trình giải quyết vụ án chị xác định lại, chị yêu cầu cụ thể như sau:

Chị yêu cầu được nhận phần đất của cha mẹ chồng cho diện tích 13.922m² (do thực tế là 7.568,4m²) thửa số 390, tờ bản đồ số 14 tọa lạc Ấp 6, xã TB, huyện TB, tỉnh Cà Mau. Hiện do vợ chồng đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 05/6/2012.

Chị tự nguyện giao cho anh Đ căn nhà xây trên phần đất do cha chồng là ông Chung Văn B cho giáp với Kinh 3 Tôn (căn nhà chiều ngang 4,9m, dài 19m) diện tích xây dựng 180,7m². Đây là tài sản chung của vợ chồng được cấp giấy chứng nhận ngày 05/6/2012, hiện do anh Đ đang sử dụng.

Về nợ chung: Đối với số vàng chị và anh Đ nợ bà Nguyễn Thị Đ là 10 chỉ vàng 24K cùng 5.000.000 đồng chị thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn- anh Chung Văn Đ trình bày:

Anh thống nhất theo trình bày của chị D. Anh tự nguyện giao cho chị D 01 phần đất của cha mẹ cho diện tích 13.922m² (do thực tế là 7.568,4m²) thửa số 390, tờ bản đồ số 14, tọa lạc Ấp 6, xã TB, huyện TB, tỉnh Cà Mau. Hiện do vợ chồng đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 05/6/2012.

Anh đồng ý nhận 01 căn nhà giáp với Kinh 3 Tôn (căn nhà chiều ngang 4,9m, dài 19m) diện tích xây dựng 180,7m² xây dựng trên phần đất của cha anh là ông Chung Văn B cho vợ chồng anh.

Về nợ chung: anh thống nhất tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 02/02/2023, Tòa án cấp sơ thẩm lập biên bản hòa giải thành giữa chị D, anh Đ.

Tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 14/2023/QĐST-HNGĐ ngày 10/02/2023, Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh Cà Mau quyết định (tóm tắt):

Chị D nhận 01 phần đất đo thực tế là 7.568,4m² do cha mẹ chồng cho trong diện tích 13.922m² thuộc thửa 390, tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại Ấp 6, xã TB, huyện TB, tỉnh Cà Mau. Hiện do chị D và anh Đ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 05/6/2012.

Anh Đ nhận 01 căn nhà giáp với Kênh 3 Tôn (căn nhà chiều ngang 4,9m và chiều dài là 19m, diện tích xây dựng là 180,7m²) căn nhà xây dựng trên phần đất của cha ruột anh Đ là ông Chung Văn B, hiện do anh Đ đang quản lý.

Chị D và anh Đ có nghĩa vụ đến Cơ quan có thẩm quyền để lập thủ tục chuyển tên, cấp mới hoặc điều chỉnh diện tích (nếu có) trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Trường hợp các đương sự có nghĩa vụ không hợp tác hoặc gây khó khăn trong việc lập thủ tục chuyển tên, cấp mới hoặc điều chỉnh diện tích (nếu có) thì chị D, anh Đ có quyền tự liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để đăng ký theo quy định.

Ngoài ra, anh Đ và chị D còn thỏa thuận về án phí, chi phí đo đạc, thẩm định giá.

Ngày 24/4/2023, chị D gửi đơn đề nghị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 14/2023/QĐST-HNGĐ ngày 10/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh Cà Mau.

Tại Báo cáo số 62 ngày 07/6/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau kiến nghị kháng nghị giám đốc thẩm đối với quyết định sơ thẩm nêu trên.

Tại quyết định số 02/2024/KN-HNGĐ ngày 26/01/2024, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự nêu trên, đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh hủy Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 14/2023/QĐST-HNGĐ ngày 10/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh Cà Mau; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh Cà Mau để xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử giám đốc thẩm chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguồn gốc phần đất có diện tích 13.922 m² thuộc thửa 390, tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại Ấp 6, xã TB, huyện TB, tỉnh Cà Mau là của ông Chung Văn B (cha anh Đ) cho con gái là chị Chung Mộng T và cho vợ chồng con trai là anh Đ, chị D. Các con của ông B đều đã nhận đất sử dụng, diện tích đất thực tế anh Đ, chị D sử dụng là 7.568,4 m². Tuy nhiên khi anh Đ, chị D làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì cấp trù lên cả phần đất ông B đã cho chị T. Tòa án không đưa ông B và chị T vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên không xác định được vị trí đất giao cho chị D và vị trí đất của chị T, gây khó khăn cho việc thi hành án và điều chỉnh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị T.

[2] Chị D nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 02 lần: Lần 1 là 15.909.000 đồng, Biên lai thu số 0011597 ngày 25/3/2021; Lần 2 là 9.047.000 đồng theo Biên lai thu số 0011629 ngày 05/5/2021 (khởi kiện bổ sung). Quyết định sơ thẩm không xử lý việc trả lại số tiền tạm ứng án phí lần 2 cho chị D 9.047.000 đồng (chị D rút yêu cầu khởi kiện bổ sung), làm ảnh hưởng đến quyền lợi của chị D.

[3] Chị D khởi kiện và khởi kiện bổ sung yêu cầu Tòa án giải quyết nhiều tài sản chung giữa chị và anh Đ, sau đó chị D đã rút yêu cầu khởi kiện về một số tài sản nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đình chỉ giải quyết đối với những yêu cầu mà chị D đã rút là giải quyết không triệt để.

[4] Ngày 05/12/2022, Tòa án cấp sơ thẩm có quyết định đưa vụ án ra xét xử, mở phiên tòa lần 1 ngày 27/12/2022 và đã hoãn phiên tòa vì người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt, phiên tòa mở lần 2 vào ngày 02/02/2023 và anh Đ, chị D thỏa thuận được việc giải quyết toàn bộ vụ án. Như vậy, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa ra quyết định sơ thẩm nêu trên là nhầm lẫn với giai đoạn chuẩn bị xét xử, trường hợp này phải là Hội đồng xét xử sơ thẩm ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự mới đúng với quy định tại Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP ngày 13/01/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[5] Từ những phân tích, nhận định trên nên cần chấp nhận kháng nghị số 02/2024/KN-HNGĐ ngày 26/01/2024 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 325; Điều 334; Điều 342; Điều 343 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị số 02/2024/KN-HNGĐ ngày 26/01/2024 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Hủy Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 14/2023/QĐST-HNGĐ ngày 10/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh Cà Mau về việc “Chia tài sản chung sau ly hôn” giữa nguyên đơn là chị Trần Ngọc D với bị đơn là anh Chung Văn Đ.

3. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh Cà Mau xét xử lại sơ thẩm theo đúng quy định của pháp luật.

4. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:

- Chánh án TANDCC (để báo cáo);
- VKSNDCC tại TP. HCM (kèm hồ sơ vụ án);
- Vụ Pháp chế Quản lý khoa học -TANDTC;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- TAND huyện TB, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục THADS huyện TB, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VT, P. HCTP, P. GDKT.III; HSVA (MP).

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Văn Cường